

Bản án số: 54/2023/DS-PT.

Ngày: 30/3/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngữ;

Bà Nguyễn Thị Hương Giang;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Gi tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Văn Thìn– Kiểm sát viên.

Do bản án số 114/2022/DSST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H có kháng cáo.

Trong ngày 30/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 109/TLPT- DS ngày 12/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán hàng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXPT-DS ngày 02/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐPT-DS ngày 20/3/2023 của tòa án nhân dân tỉnh Bắc Gi, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị S, sinh năm 1971- vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Lương Ph, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Gi.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992- Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Lương Ph, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Gi.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982- Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Lương Ph huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Gi.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970- vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Lương Ph huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Gi.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992- Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Lương Ph huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Gi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Do có mối quan hệ là người cùng làng với nhau bà S đã cho chị Qu vay nhiều lần tiền cụ thể:

Ngày 05/8/2020 bà S cho chị Qu vay 30.000.000 đồng, giấy tờ khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 năm là ngày 05/8/2021 chị Qu trả, không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định pháp luật 20%/năm. Đối với khoản vay này chị Qu chưa trả được đồng nào tiền gốc mới trả được tiền lãi là 6 tháng bằng 3.000.000 đồng.

Ngày 15/9/2020 chị Qu tiếp tục vay 30.000.000 đồng không có giấy tờ gì, đến ngày 10/10/2020 chị Qu tiếp tục vay số tiền là 20.000.000 đồng. Sau đó hai bên ghi chung vào một giấy vay nợ không đề ngày tháng năm nhưng viết vào ngày 10/10/2020 tổng cả hai lần vay là 30.000.000 đồng + 20.000.000 đồng, tổng số tiền vay bằng 50.000.000 đồng, chị Qu là người viết giấy. Theo giấy viết này hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể chỉ ghi chung là “hạn trả theo thỏa thuận hàng tháng hoặc hàng năm trả”. Sau khi viết giấy vay nợ này chị Qu chưa trả được đồng nào tiền gốc cho bà S, chỉ trả được 4.500.000 đồng tiền lãi cho bà S.

Đến nay anh Tuấn đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Qu trả cho nguyên đơn số tiền đã vay theo hai giấy vay tiền trên là 80.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 05/3/2021 đến khi trả xong số tiền nợ của hai giấy vay trên theo lãi suất quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh yêu cầu chị Qu trả cho nguyên đơn số tiền là 11.147.000 đồng tiền nợ mua thịt lợn hai bên đã chốt nợ với nhau. Đối với số tiền này nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa anh Tuấn đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà S, ông Duẩn đồng ý với việc rút yêu cầu, chỉ yêu cầu chị Qu trả số tiền đã vay của hai giấy vay nợ là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với số tiền chị Qu mua thịt anh Tuấn, bà S, ông Duẩn chỉ yêu cầu chị Qu trả số tiền chốt nợ còn lại là 9.787.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn chị Qu trình bày:

Đối với giấy vay nợ ngày 15/9/2020 là do chị viết, chị vay của bà S số tiền là 30.000.000 đồng. Khi vay trong giấy chị viết không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3000 đồng/01 triệu đồng/ 01 tháng, thời hạn vay từ ngày 05/8/2020 đến ngày 05/8/2021.

Đối với khoản vay này chị không nhớ trả được bao nhiêu tiền lãi và bao nhiêu tiền gốc.

Ngoài ra trong năm 2020 chị không nhớ ngày tháng chị có vay của bà S nhiều lần tuy nhiên đã trả một số lần. Sau đó giữa chị và bà S có chốt nợ theo giấy chị viết không đề ngày tháng số tiền là 30.000.000 đồng + 20.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và ngày trả trong giấy. Tuy nhiên thỏa thuận miệng lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Sau khi vay chị đã trả được 70.000.000 đồng tiền gốc của hai giấy vay tiền trên, khi trả không có giấy tờ gì.

Ngoài ra chị xác định đã trả tiền lãi suất của hai giấy vay nợ nêu trên đến tháng 5/2021 được tổng số tiền lãi là 47.760.000 đồng số tiền trả lãi này chị không có giấy tờ gì.

Đối với số tiền nợ mua thịt là 11.147.000 đồng chị có nợ tuy nhiên chị xác định có mã ghi nợ tiền thịt là 900.000 đồng không đúng, chị chỉ nợ 90.000 đồng, còn mã ghi nợ 550.000 đồng là không có, chị không nợ mã này.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Qu không đồng ý trả số tiền nợ của hai giấy vay nợ là 80.000.000 đồng, chị chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng và đồng ý tính lãi suất của số tiền này từ 15/12/2021 đến nay. Chị đưa ra tại phiên tòa là 03 video clip thể hiện các cuộc nói chuyện giữa chị và bà S, ông Duẩn, chị và bà S, anh Tuấn và giữa chị và Bà S để chứng minh về việc chốt nợ và trả nợ cũng như số tiền tính lãi suất thể hiện trả lãi suất cao với số tiền là 6.000.000 đồng/100.000.000 đồng/ tháng.

Đối với số tiền mua chịu thịt sau đó chốt nợ ngày 15/11/2021 chị đồng ý trả 9.787.000 đồng như yêu cầu nhưng xin trả dần.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Nguyễn Văn D trình bày:

Giữa gia đình ông và chị Qu là quan hệ hàng xóm, từ mối quan hệ đó thì chị Qu có nhiều lần vay nợ vợ chồng ông, việc vay nợ này do vợ ông và chị Qu viết giấy tờ. Đến nay chị Qu còn nợ vợ chồng ông 80.000.000 đồng, ông yêu cầu Tòa án buộc chị Qu trả cho vợ chồng ông số tiền đã vay là 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông chỉ yêu cầu trả số tiền gốc đã vay là 80.000.000

đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với số tiền nợ mua thịt ông yêu cầu chị Qu trả cho vợ chồng ông trước đây là 11.147.000 đồng, nay ông rút một phần yêu cầu chỉ yêu cầu chị Qu trả số tiền là 9.787.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Với nội dung vụ án nêu trên, tòa án nhân dân huyện Hiệp H đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S buộc chị Nguyễn Thị Q phải có nghĩa trả cho vợ chồng bà Trần Thị S, ông Nguyễn Văn D số tiền nợ gốc 89.787.000 đồng (Trong đó có 80.000.000đ tiền gốc vay và 9.787.000đ tiền chót nợ). Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự. Ngày 12/10/2022 chị Qu làm đơn kháng cáo bản án với nội dung là chị chỉ còn nợ bà S số tiền là 40 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Qu vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị HĐXX mở USB để đánh giá các lời nói đã được chị tự ý ghi âm với nguyên đơn, tuy nhiên vấn đề này đã được tòa án huyện Hiệp H xem xét và đã nhận định rõ trong bản án sơ thẩm (gồm 03 video clip) do vậy việc đề nghị tạm ngừng phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra các bên đương sự cũng không hòa giải được và cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới để bảo vệ quyền lợi của mình tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Gi phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H.

Về án phí: Chị Qu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa.

Xét kháng cáo của chị Qu thì thấy: Việc bà S khởi kiện yêu cầu chị Qu phải trả cho vợ chồng bà S số tiền đã vay là 80.000.000 đồng tiền vay và 9.787.000 đồng tiền mua thịt hai bên đã chót nợ với nhau là tiền có căn cứ. Theo chứng cứ bà S xuất trình là 01 giấy vay tiền đề ngày 05/8/2020 thể hiện chị Qu có vay của

bà S số tiền 30.000.000 đồng với thời hạn trả nợ là 01 năm, lãi suất theo thỏa thuận và 01 giấy vay tiền viết tay không thể hiện ngày tháng vay và ngày tháng trả cũng như lãi suất vay. Tại phiên tòa hôm nay chị Qu xác nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký trong 02 giấy vay tiền là chữ của chị Qu, chị Qu cũng xác nhận đối với giấy vay nợ viết tay không đề ngày tháng tuy nhiên đây là hai khoản vay ngày 15/9/2020 là 30.000.000 đồng và ngày 10/10/2020 là 20.000.000 đồng viết gộp lại của hai lần vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra chị Qu cũng thừa nhận trong quá trình mua bán thịt lợn chị có nợ bà S một số tiền, đến ngày 15/11/2021 chị đã viết giấy chốt nợ số tiền này là 11.147.000 đồng đây được xác định là số tiền chuyển hóa từ mua bán hàng sang khoản tiền chốt nợ. Tuy nhiên chị cho rằng số tiền chốt nợ theo giấy có hai mã tiền là 900.000 đồng ngày 05/8/2021 là 90.000 đồng không phải là 900.000 đồng và 550.000 đồng ngày 25/8/2021 không có. Tại phiên tòa hôm nay bà S đồng ý trừ cho chị Qu số tiền 550.000 đồng của ngày 25/8/2021 và tính lại số tiền ngày 05/8/2021 là 90.000 đồng, số tiền bà S yêu cầu chị Qu trả là 9.787.000 đồng, chị Qu đồng ý với số tiền này.

Đối với 03 video clip chị Qu cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem và nhận định trong 03 đoạn video clip gồm: 01 đoạn video clip có thời lượng 04 phút 51 giây ngày 20/4/2022 nội dung nói chuyện giữa chị Qu và bà S thể hiện việc bà S nói chuyện về việc yêu cầu chị Qu trả số tiền nợ và chốt nợ với nhau với số tiền trả nợ là 10.000.000 đồng ngày 1/11/2020 cho khoản vay ngày 22/10/2020 như bà S đã khai trước đó; 01 đoạn video clip thời lượng 01 phút ngày 01/6/2022 thể hiện cuộc nói chuyện giữa chị Qu, bà S, anh Tuấn có nội dung chốt nợ số tiền 120.000.000 đồng, chị Qu cho rằng nợ 110.000.000 đồng; 01 đoạn video clip có thời lượng 12 phút 10 giây ngày 29/5/2022 có nội dung cuộc nói chuyện giữa chị Qu, bà S, ông Duẩn thể hiện bà S chốt nợ số tiền là 80.000.000 đồng, chị Qu nói số tiền vay là 110.000.000 đồng, bà S nói số tiền vay là 120.000.000 đồng, đã trả 40.000.000 đồng còn lại 80.000.000 đồng, chị Qu nói không trả nữa.

Hội đồng xét xử yêu cầu chị Qu đi giám định 03 đoạn video clip nhưng chị Qu không đề nghị giám định các video clip nêu trên.

Từ những chứng cứ và lời trình bày của bà S, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã buộc chị Qu phải có trách nhiệm trả nợ cho bà S, ông Duẩn số tiền gốc vay 80.000.000 đồng và số tiền chốt nợ khi mua thịt đã chuyển sang khoản nợ là 9.787.000 đồng là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Qu, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của huyện Hiệp H đã xử. Do kháng

cáo không được chấp nhận nên chị Qu phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT(xác nhận chị Qu đã nộp đủ án phí DSPT).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q, giữ nguyên bản án số 114/2022/DSST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (xác nhận chị Qu đã nộp đủ án phí DSPT theo Biên lai thu số 0008343 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp H).

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Bắc Gi;
- TAND H. Hiệp H;
- Chi cục THADS H. Hiệp H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Quyết

